

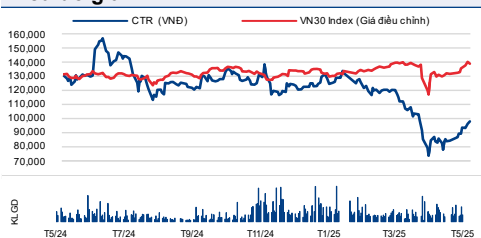
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,000
Tiềm năng tăng/giảm: 25.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/5/2025)	98,000
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,900-156,884
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	95,380
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,210
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	432
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,355	16,458
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,233	1,592
LNTT (tỷ đồng)	672	738	857
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	442	513
FCF (tỷ đồng)	340	(388)	(3.09)
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,865	4,487
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,305	18,970	21,957
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.5	29.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	9.76	16.1
Tăng trưởng DPS (%)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.59	9.67
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.14	5.21
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.12	4.17
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.4	31.0	33.4
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	82.2	81.7
ROAE (%)	27.9	29.3	29.3
ROACE (%)	29.5	28.7	28.4
EV/doanh thu (lần)	0.88	0.83	0.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	9.67	7.55
P/E ĐC (lần)	27.8	25.4	21.8
P/B (lần)	6.01	5.17	4.46
Lợi suất cổ tức (%)	1.02	1.22	1.53

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 4/2025: Lợi nhuận tăng trưởng vững chắc, sát với dự báo

- LNTT 4 tháng đầu năm 2025 của CTR đạt 210 tỷ đồng (tăng 7,3% so với cùng kỳ và hoàn thành 28% dự báo cho cả năm 2025 của HSC) trên doanh thu thuần 3.825 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ).
- Doanh thu thuần và LNTT tháng 4/2025 đạt lần lượt 1.070 tỷ đồng và 56 tỷ đồng, cả 2 đều tăng 8,8% so với cùng kỳ. Đà tăng trưởng doanh thu trong tháng 4 tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ mảng cho thuê hạ tầng cốt lõi (tăng 48% so với cùng kỳ).
- CTR đã bổ sung thêm 356 trạm BTS mới trong 4 tháng đầu năm 2025, nâng tổng số trạm BTS lên 10.470 trạm, nhưng tỷ lệ dùng chung trạm vẫn còn ở mức 1,03 lần. Tiến độ lắp đặt các trạm BTS trong tháng 4 chậm hơn so với cùng kỳ, chủ yếu do quá trình xác định vị trí trạm BTS mất nhiều thời gian hơn.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 26%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 4/2025

KQKD của CTR tăng trưởng vững chắc trong tháng 4, với lợi nhuận và doanh thu thuần tăng 8,8% so với cùng kỳ. Trong 4 tháng đầu năm 2025, doanh thu tăng 6% so với cùng kỳ đạt 3.825 tỷ đồng trong khi LNTT tăng 7% so với cùng kỳ đạt 210 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 27% và 28% dự báo cho cả năm 2025 của HSC, sát với dự báo.

Mảng cho thuê hạ tầng dẫn dắt tăng trưởng, mặc dù số lượng trạm BTS mới trong tháng 4 tăng chậm lại

Doanh thu thuần tháng 4/2025 của CTR đạt 1.070 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ (tăng 8% so với tháng trước). Theo đó, doanh thu 4 tháng đầu năm đạt 3.825 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và hoàn thành 27% dự báo doanh thu thuần cho cả năm 2025 ở mức 14.355 tỷ đồng.

Nhìn chung, mảng cho thuê hạ tầng vẫn là động lực tăng trưởng chính, với tốc độ tăng trưởng 2 chữ số, trong khi các mảng khác chỉ tăng trưởng ổn định hằng năm ở mức trung bình của một chữ số. Chi tiết như sau:

- Doanh thu **mảng cho thuê hạ tầng** tăng lên 69 tỷ đồng trong tháng 4/2025 và 268 tỷ đồng trong 4 tháng đầu năm 2025 – cả hai chỉ số đều tăng 48% so với cùng kỳ. CTR đã bổ sung thêm tổng cộng 356 trạm BTS mới trong 4 tháng đầu năm 2025, nâng tổng số trạm BTS lên 10.470 trạm. Tính đến cuối tháng 4, có 350 trạm BTS có hơn hai khách thuê, với tỷ lệ dùng chung trạm không đổi ở mức 1,03 lần. Chúng tôi lưu ý rằng, CTR đang tìm cách nâng tỷ lệ dùng chung trạm lên 1,045 lần trong năm 2025, theo thông tin từ BLĐ tại ĐHCĐ năm 2025

Tốc độ lắp đặt trạm BTS mới trong tháng 4 chậm hơn so với cùng kỳ, với 120 trạm BTS mới trong tháng 4/2025 (so với 400 trạm mới trong tháng 4/2024). Theo BLĐ, tiến độ lắp đặt chậm chủ yếu là do chờ các chủ đầu tư (Viettel) xác định vị trí trạm BTS mới. Việc này thường cần nhiều thời gian vào điểm đầu năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ T4/2025 và 4 tháng đầu năm 2025, CTR

Mảng cho thuê hạ tầng duy trì đà tăng trưởng mạnh trong tháng 4

Tỷ đồng	T4/2025	So với cùng kỳ	So với tháng trước	4T2025	So với cùng kỳ	Dự báo 2025 HSC	% hoàn thành dự báo
Doanh thu	1,071	8.8%	7.8%	3,825	6.0%	14,355	26.6%
LNTT	56	8.8%	2.8%	210	7.3%	738	28.4%
Tỷ suất LNTT (%)	5.2%	+0ppts	+0ppts	5.5%	+0.1ppts	5.1%	

Nguồn: CTR, HSC

Do đó, chúng tôi chưa thấy rủi ro lớn từ yếu tố này mang lại đối với dự báo hiện tại về số trạm BTS mới cho năm 2025 của chúng tôi (dự báo năm 2025: 3.000 trạm mới).

- Doanh thu **mảng vận hành mạng lưới** tháng 4/2025 tăng 3% so với cùng kỳ đạt 529 tỷ đồng, nâng tổng doanh thu 4 tháng lên 1.928 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ). HSC nhận thấy tốc độ tăng trưởng ở mảng này chậm lại, do nhu cầu chi tiêu cho CNTT chậm lại trên cả nước, trong bối cảnh kinh tế bất ổn. CTR đa phần thực hiện công tác Vận hành & Bảo dưỡng cho Viettel trong 4 tháng đầu năm 2025, bao gồm việc ứng dụng công nghệ AI và giải pháp phân tích dữ liệu nhằm phục vụ cho các hoạt động vận hành của Tập đoàn Viettel ở thị trường trong và ngoài nước.
- Doanh thu **mảng xây dựng** tháng 4/2025 tăng trưởng khá 13% so với cùng kỳ đạt 330 tỷ đồng và đạt 1.133 tỷ đồng trong 4 tháng đầu năm 2025 (tăng 7% so với cùng kỳ), nhờ các dự án B2C và SME.
- Trong khi đó, doanh thu **mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật** tháng 4 tăng 11% so với cùng kỳ đạt 138 tỷ đồng và đạt 479 tỷ đồng trong 4 tháng đầu năm 2025 (tăng 7% so với cùng kỳ), chủ yếu nhờ nhu cầu tích hợp năng lượng mặt trời của doanh nghiệp và hộ gia đình, cũng như dịch vụ bảo trì cho các khách hàng lớn.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu, dự báo lợi nhuận

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 26%). Với KQKD 4 tháng đầu năm 2025 sát với dự báo, chúng tôi cũng giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2025 ở mức 591 tỷ đồng (tăng trưởng 10%) và EBITDA ở mức 1.233 tỷ đồng (tăng trưởng 19%).

Với dự báo hiện tại, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 10 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 11,1 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu T4/2025 và 4 tháng đầu năm 2025, CTR

Mảng cho thuê hạ tầng dẫn đầu tăng trưởng, trong khi các mảng khác tăng trưởng ở mức 1 chữ số trong 4 tháng đầu năm

Tỷ đồng	T4/24-24	T4/25	So với cùng kỳ	4T24	4T25	So với cùng kỳ	Tỷ trọng 4T24	Tỷ trọng 4T25
Doanh thu thuần	984	1,070	8.7%	3,608	3,825	6.0%	100.0%	100.0%
Vận hành	512	529	3.2%	1,888	1,928	2.1%	52.3%	50.4%
Xây dựng	293	330	12.8%	1,057	1,133	7.2%	29.3%	29.6%
Giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	124	138	10.9%	450	479	6.5%	12.5%	12.5%
Cho thuê hạ tầng	47	69	48.0%	181	268	47.9%	5.0%	7.0%

Nguồn: CTR, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,355	16,458	18,474
Lợi nhuận gộp	902	884	1,080	1,256	1,436
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(287)	(329)	(369)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.74)	(6.58)	(7.39)
EBIT	652	713	787	920	1,059
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	738	857	988
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(148)	(171)	(198)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	591	686	791
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	442	513	592
EBITDA ĐC	910	1,032	1,233	1,592	1,842
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200	1,500	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	739	795	723
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	574	658	739
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,230	3,621	3,972
Hàng tồn kho	790	610	646	724	794
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	122	132	139
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,311	5,930	6,367
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	2,268	2,510	2,531
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	22.5	25.7	28.9
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	2,642	2,794	2,722
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,148	1,317	1,108
Phải trả người bán	581	608	718	823	924
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	4,911	5,275	5,258
Nợ dài hạn	378	573	872	938	957
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	872	938	957
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,784	6,213	6,215
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
BVPS (đ)	17,456	16,305	18,970	21,957	25,130
Nợ thuần*/(tiền mặt)	755	738	1,281	1,459	1,342

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	787	920	1,059
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(671)	(783)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(148)	(171)	(198)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	(129)	(274)	(229)
Khác	96.6	(133)	110	(265)	(281)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,012	817	1,058
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(1,400)	(820)	(708)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.73)	(3.29)	(3.15)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(1,403)	(823)	(711)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(137)	(172)	(229)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	396	234	(189)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	243	62.2	(418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	739	795
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	(148)	55.8	(71.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	739	795	723
Dòng tiền tự do	89.7	340	(388)	(3.09)	350

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.53	7.63	7.77
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.59	9.67	9.97
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.12	4.17	4.28
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	13.8	14.7	12.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.5	29.1	15.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	28.4	31.0	33.4	38.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	29.3	29.3	29.4
ROACE (%)	30.3	29.5	28.7	28.4	29.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.91	1.97	2.07
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.29	0.89	1.00
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.8	17.4	17.0
Số ngày phải thu	105	91.4	88.8	86.9	85.1
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.8	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	82.2	81.7	70.5
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	31.7	32.6	30.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	16.1	14.5	15.0
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.05	1.79	1.49
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.08	1.12	1.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.96	0.88	0.83	0.73	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.0	10.7	9.67	7.55	6.41
P/E (lần)	28.2	27.8	25.4	21.8	18.9
P/E ĐC (lần)	28.2	27.8	25.4	21.8	18.9
P/B (lần)	5.61	6.01	5.17	4.46	3.90
Lợi suất cổ tức (%)	2.78	1.02	1.22	1.53	2.04

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn